

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	SƯ PHẠM TIẾNG TRUNG QUỐC
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Chinese Language Teaching
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7140234
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	139 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.- Tích lũy đủ 139 tín chỉ.- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2.00 trở lên.- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.- Có chứng chỉ tin học theo quy định- Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định:<ul style="list-style-type: none">o Có chứng chỉ năng lực tiếng Trung bậc 5.o Có chứng chỉ ngoại ngữ 2 đạt bậc 3.
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none">- Giảng dạy tiếng Trung ở các trường đại học (Khi đáp ứng đủ các bằng cấp tương ứng với vị trí giảng dạy như: Tiến sĩ, Thạc sĩ,...), cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác.- Đảm nhận được công việc hoặc vị trí công tác cấp chuyên viên đối ngoại tại các cơ quan phục vụ

		đối ngoại, các sở ngoại vụ. - Các vị trí công tác có sử dụng tiếng Trung trong lĩnh vực du lịch lữ hành và các dịch vụ khác.
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	- Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sau đại học trong và ngoài nước. - Vận dụng được kiến thức đã học để tiếp cận, nắm bắt, vận dụng vào những lĩnh vực chuyên môn chưa học chuyên sâu ở nhà trường. - Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí giảng dạy tiếng Trung ở các trường đại học, cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	<i>(liệt kê 02 chương trình chuẩn đã tham chiếu khi viết chương trình)</i>

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm tiếng Trung của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đào tạo người học sau khi tốt nghiệp, những Cử nhân này có đủ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng giảng dạy tiếng Trung ở các trường cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác, đáp ứng được những yêu cầu xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đào tạo người học tốt nghiệp trình độ Cử nhân, CTĐT ngành Sư phạm tiếng Trung:

PO1: Có nền tảng kiến thức về các bình diện ngôn ngữ Trung Quốc nhằm giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp;

PO2: Có năng lực tiếng Trung Quốc để giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp;

PO3: Có kiến thức và năng lực nghiệp vụ để giảng dạy hiệu quả tiếng Trung Quốc như là một ngoại ngữ;

PO4: Có trách nhiệm dân sự, có đạo đức nghề nghiệp, và khả năng học tập suốt đời nhằm phát triển bản thân, phát triển chuyên môn và đóng góp cho xã hội.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Trung tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Có kiến thức vững chắc về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc trên bình diện ngữ âm, chữ viết, từ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa.

- **PI 1.1:** Xác định các yếu tố ngôn ngữ tiếng Trung Quốc (ngữ âm, chữ viết, từ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa);
- **PI 1.2:** Nắm vững các kiến thức về các kỹ năng của ngôn ngữ tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết);
- **PI 1.3:** Trình bày các kiến thức về văn bản nghị luận, tổng hợp câu và câu tạo trong giao tiếp.
- **PLO2:** Có năng lực phân tích cấu trúc ngôn ngữ, cách tạo từ ngữ, văn bản tiếng Trung Quốc từ góc độ ngữ âm, từ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa.
 - **PI 2.1:** Phân tích cấu trúc và chức năng của từ, cụm từ, mẫu câu và câu tiếng Trung Quốc;
 - **PI 2.2:** Áp dụng văn bản nói trong giao tiếp và diễn ngôn;
 - **PI 2.3:** Áp dụng văn bản viết trong giao tiếp và diễn ngôn.
- **PLO3:** Thể hiện năng lực liên văn hóa để giao tiếp và tác nghiệp thành công trong môi trường xã hội và nghề nghiệp.
 - **PI 3.1:** Có các giá trị văn hóa và văn học trong bối cảnh phù hợp để giao tiếp thành công;
 - **PI 3.2:** Phân tích được các yếu tố và giá trị về văn hoá, văn học của Trung Quốc và các vấn đề về giao tiếp liên văn hoá giữa Trung Quốc-Việt Nam;
- **PLO4:** Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Trung Quốc trong môi trường xã hội và môi trường nghề nghiệp.
 - **PI 4.1:** Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Trung Quốc trong các tình huống xã hội cụ thể;
 - **PI 4.2:** Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Trung Quốc trong môi trường chuyên nghiệp.
- **PLO5:** Nắm vững các vấn đề lý luận dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung Quốc - người học, thụ đắc ngôn ngữ, cách tiếp cận dạy và học, và kiểm tra đánh giá trong ngoại ngữ
 - **PI 5.1:** Xác định đối tượng, đặc điểm người học, động cơ, thái độ và phương pháp học tập.
 - **PI 5.2:** Phân tích các đường hướng dạy học, các phương pháp dạy học phù hợp;
- **PLO6:** Tổ chức giảng dạy tiếng Trung quốc một cách có hiệu quả cho các đối tượng người học khác nhau với các nhu cầu khác nhau;
 - **PI 6.1:** Xây dựng kế hoạch bài dạy – mục tiêu, hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá
 - **PI 6.2:** Tổ chức dạy học tiếng Trung quốc hiệu quả cho các đối tượng người học;
 - **PI 6.3:** Vận dụng CNTT trong thiết kế bài giảng và tổ chức dạy học
- **PLO7:** Thực hiện các đề án (học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp) trong các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ, văn hóa và dạy-học tiếng Trung Quốc.
 - **PI 7.1:** Thiết kế các đề án học tập, nghiên cứu, khởi nghiệp về ngôn ngữ, văn hóa, dạy-học sử dụng tiếng Trung quốc.



- **PI 7.2:** Thực hiện các đề án học tập, nghiên cứu, khởi nghiệp về ngôn ngữ, văn hóa, dạy-học sử dụng tiếng Trung quốc.
- **PLO8:** Có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức nghề nghiệp, có tác phong chuyên nghiệp; có năng lực sử dụng CNTT và ngoại ngữ nhằm trau dồi chuyên môn, phát triển bản thân và nghề nghiệp
 - **PI 8.1:** Thể hiện ý thức trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp trong thực hiện trách nhiệm công dân và trong tác nghiệp giảng dạy;
 - **PI 8.2:** Có kỹ năng ứng xử với tác phong chuyên nghiệp khi thực hiện trách nhiệm công dân và trong giảng dạy;
 - **PI 8.3:** Có kỹ năng CNTT và ngoại ngữ nhằm hỗ trợ việc trau dồi chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.
- **PLO9:** Có tư duy tranh biện, sáng tạo, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm nhằm thích ứng hiệu quả.
 - **PI 9.1:** Xây dựng kế hoạch và hoàn thành các nhiệm vụ được giao một cách độc lập;
 - **PI 9.2:** Có khả năng hợp tác, trao đổi, thoả thuận để vận hành công việc theo nhóm.

III. MA TRẬN MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Mục tiêu chung:										
Mục tiêu chung của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm tiếng Trung của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đào tạo người học sau khi tốt nghiệp, những Cử nhân này có đủ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng giảng dạy tiếng Trung ở các trường cao đẳng, trung tâm ngoại ngữ tiếng Trung và các cơ sở đào tạo khác, đáp ứng được những yêu cầu xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.										
Mục tiêu cụ thể:										
PO1.	Có nền tảng kiến thức về các bình diện ngôn ngữ Trung Quốc nhằm giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.	X	X	X	X		X	X		
PO2.	Có năng lực tiếng Trung Quốc để giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp.	X	X	X	X					
PO3.	Có kiến thức và năng lực nghiệp vụ để giảng dạy hiệu quả tiếng Trung Quốc như là một ngoại ngữ.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO4	Có trách nhiệm dân sự, có đạo đức nghề nghiệp, và khả năng học tập suốt đời nhằm phát triển bản thân, phát triển chuyên môn và đóng góp cho								X	X

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
xã hội.									

IV. ĐỐI SÁNH CDR CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (BẬC 6):

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	X									X				X	
PLO2	X	X				X	X								X
PLO3	X	X				X	X								X
PLO4	X	X				X		X		X				X	
PLO5	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO7			X								X				
PLO8												X			X
PLO9						X	X	X	X	X		X	X	X	X

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên
KT4: Kiến thức về lập	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	
	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tài, phổ biến kiến thức, kỹ năng	

<p>kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>
--	---	---

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



(Handwritten signature)

PGS.TS. Nguyễn Văn Long